

Bản án số: **28/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-8-2020

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Mạnh Huê
2. Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lài - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXX-ST ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị Thu H;** sinh năm 1976; hộ khẩu thường trú: số A tập thể B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Nơi ở: số D khu chung cư Đ, đường E, phường G, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; Có mặt.

**- Bị đơn:** **Anh Nguyễn Nam T;** sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: số A tập thể B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ; Xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Nam T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 04/3/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Trước khi kết hôn, cả hai đều chưa có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng mẹ đẻ anh T tại địa chỉ: số A tập thể B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn và không chăm lo cho vợ con nên

dẫn đến vợ chồng thường nảy sinh ý kiến, quan điểm bất đồng. Những mâu thuẫn vợ chồng từ nhỏ tích dần thành mâu thuẫn lớn khiến cả hai không tháo gỡ được, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đến ngày 18/11/2014 anh T bị bắt về tội Trộm cắp tài sản và hiện nay đang phải chấp hành án tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại số A tập thể B, phường C, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Từ sau khi anh T bị bắt, chị và hai con vẫn ở tại địa chỉ trên một thời gian, sau đó chị và hai con chuyển về ở tại số D khu chung cư Đ, đường E, phường G, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Khi anh vắng nhà, một mình chị phải tự đi làm vất vả để nuôi dạy, chăm sóc hai con. Bản thân chị cũng nhiều lần vào trại giam thăm anh và giữ gìn tình cảm gia đình. Tuy nhiên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn không thể hàn gắn được mà ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Hà C , sinh ngày 07/4/2005 và cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 31/7/2007. Hiện nay các cháu đang ở với chị, do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu đều khỏe mạnh, được đi học đầy đủ và phát triển bình thường về mọi mặt. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu vì theo chị, anh T đang chấp hành án trong Trại giam thì không thể có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu. Hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định nên chị hoàn toàn có khả năng nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị xác nhận chị và anh T không có tài sản NH đất chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị xác nhận chị và anh T không cho ai vay nợ và cũng không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của anh Nguyễn Nam T theo quy định của pháp luật. Tại Bản tự khai ngày 10/7/2020 (có xác nhận của Trại giam Tân Lập) anh Nguyễn Nam T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 2005 có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng mẹ anh ở phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống Hng ngày. Đến năm 2014, anh bị bắt do phạm tội trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt 16 năm 9 tháng tù giam. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung, anh xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hà C , sinh ngày 07/4/2005 và cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 31/7/2007. Anh nhất trí sau khi ly hôn để cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện để chu cấp, nuôi dưỡng hai con, nên chị

H có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con mà không có sự chu cấp của anh.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp chung: Anh xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt với lý do: Anh đang chấp hành án tại phân trại số I Trại giam T, nên không thể đến tham gia phiên tòa được (Đơn có xác nhận của Trại giam T).

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và trình bày bổ sung: Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang đi làm giúp việc, có thu nhập ổn định, ngoài ra chị cũng nhận được sự hỗ trợ từ gia đình bên nội, nên chị hoàn toàn có thể nuôi dưỡng chăm sóc các cháu. Do điều kiện anh T đang chấp hành án, nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Về việc giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quỳnh Mai ngày 04/3/2005, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị H thấy: Anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2007, nguyên nhân do anh T không tu chí làm ăn và không quan tâm đến gia đình, vợ con nên dẫn đến vợ chồng thường nảy sinh quan điểm bất đồng. Năm 2014 anh T bị bắt về tội trộm cắp tài sản và đi chấp hành án trong trại giam từ đó cho đến nay, một mình chị H phải chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Như vậy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Nay chị H muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống và bản thân anh T cũng đồng ý ly hôn, do đó nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung, hiện đang ở cùng với mẹ. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng. Do đó việc giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo được sự phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao cả hai con chung cho chị H nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Về giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm hàng ngày do anh T không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2014, anh lại bị bắt về tội trộm cắp tài sản và bị kết án 16 năm 9 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Việc anh T chấp hành án đã được Trại giam T và chính quyền địa phương nơi chị H anh T có hộ khẩu thường trú xác nhận. Trong thời gian anh T vắng nhà, chị H phải một mình chăm lo gia đình, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con. Xét thấy, chị H và anh T đã không sống chung từ năm 2014 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tại bản tự khai anh T cũng có ý kiến xác nhận mâu thuẫn giữa anh chị là đúng và đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, đủ cơ sở thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hà C , sinh ngày 07/4/2005 và cháu Nguyễn Anh T , sinh ngày 31/7/2007. Hiện các cháu phát triển bình thường, sức khỏe tốt và đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, chị có công việc và thu nhập ổn định. Anh T đang trong trại giam và đồng ý để chị H trực tiếp nuôi hai cháu. Các cháu cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn nên việc giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Do đó căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu Nguyễn Hà C và cháu Nguyễn Anh T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Anh chị xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: chị H là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều: 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Nguyễn Nam T. Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Nam T.

#### **2. Về con chung:**

Xác định chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Nam T hai con chung là cháu Nguyễn Hà C, sinh ngày 07/4/2005 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 31/7/2007. Hiện nay các cháu sức khỏe tốt, phát triển bình thường.

Giao hai cháu Nguyễn Hà C và cháu Nguyễn Anh T cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung đối với anh Nguyễn Nam T cho đến khi chị Nguyễn Thị Thu H có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Nam T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 003598 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**\* Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Quỳnh Mai  
(ĐKKH ngày 04/3/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Thủy**